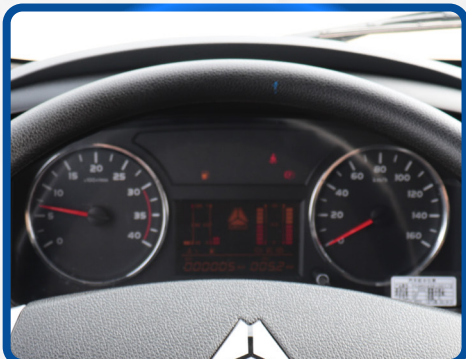


HOWO 130



NỘI THẤT - NGOẠI THẤT **HIỆN ĐẠI**



Đồng hồ trang bị màn hình LCD hiển thị đầy đủ thông tin.



Cabin được trang bị hệ thống điều hòa. Audio tích hợp kết nối USB.



Vô lăng thiết kế 3 chấu hiện đại



Trang bị hệ thống kính điện và tay mở cửa mạ crom



Mặt ca lăng thiết kế tinh tế và hiện đại.



Đèn pha chiếu sáng công suất cao và đèn sương mù tăng độ an toàn.



Hệ thống gương chiếu hậu gồm: 2 gương chính phẳng và 4 gương cầu giúp tăng tầm nhìn



Lốp xe DRC 8.25-20 cho độ chịu tải và độ bền cao



Cabin trang bị giường đơn, nội thất sang trọng tiện nghi với ghế bọc da, sắp xếp khoa học đem lại sự tiện nghi cho người lái

HOWO 130

Thương hiệu HOWO (CNHTC) - hãng sản xuất ô tô số 1 nội địa Trung Quốc

ĐỘNG CƠ EURO 4

Tiêu chuẩn khí thải Euro 4 thân thiện môi trường và tiết kiệm nhiên liệu



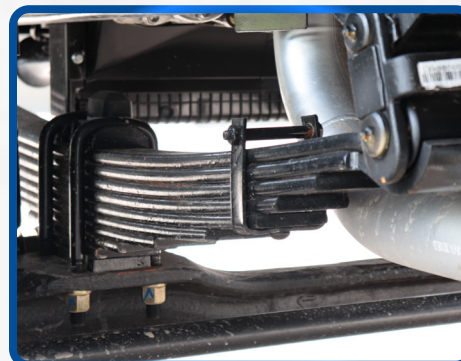
HOWO 130 được trang bị động cơ YC4E140-48 công suất 105kW sản xuất theo dây chuyền công nghệ Châu Âu, tiết kiệm nhiên liệu, chất lượng ổn định, công suất vượt trội.

TRANG BỊ PHANH CUPPO

Được nâng cấp trang bị thêm phanh khí xả Cuppo (Exhaust Brake). Với hệ thống phanh Cuppo, hệ thống phanh chính sẽ được giảm tải. Tránh tình trạng rà thắng quá mức làm mất hiệu quả phanh.



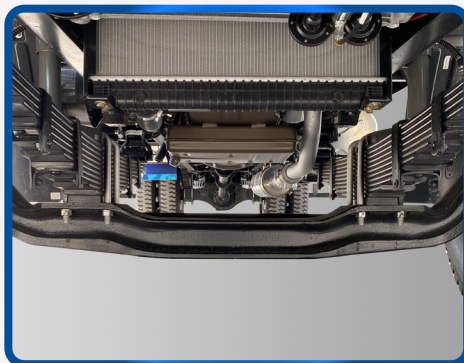
Bộ lọc dầu thô giúp xe vận hành lâu dài ổn định



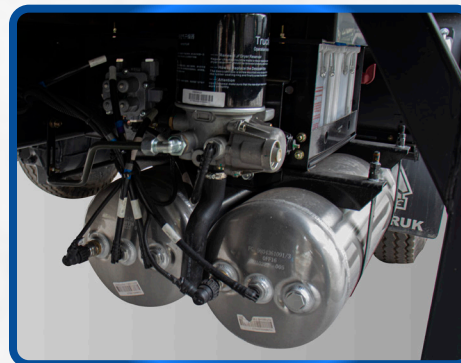
Nhíp trước 9 lá, giảm chấn thủy lực



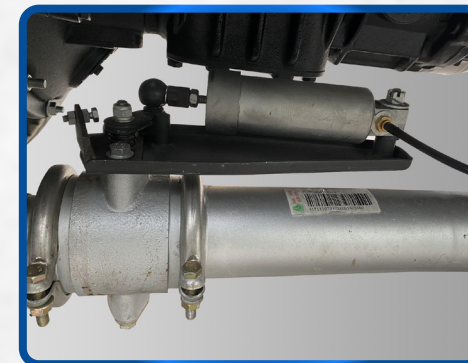
Nhíp sau chính 11 lá, nhíp phụ 8 lá. Cầu sau tỉ số truyền 5,833



Khung xe được chế tạo từ thép hợp kim, sơn tĩnh điện, vững chắc, chịu tải tốt

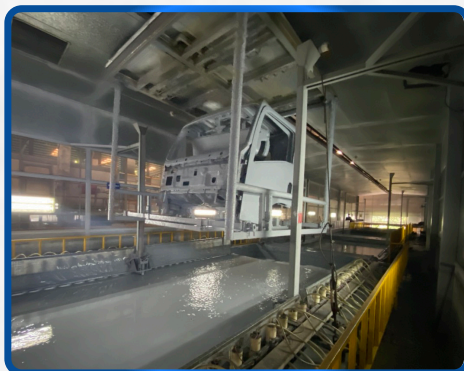


Bình khí nén bằng hợp kim nhôm



Trang bị thêm phanh khí xả (phanh Cuppo)

CÔNG NGHỆ DÂY CHUYỀN SƠN ED HIỆN ĐẠI



THÔNG SỐ KỸ THUẬT *HOWO 130*

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATION	
KIỂU LOẠI XE	
Loại phương tiện	Ô tô tải (có mui)
Nhãn hiệu	CNHTC
Mã kiểu loại	TMT/ST10575MB-E4
Công thức bánh xe	4x2R
KHỐI LƯỢNG (kg)	
Khối lượng bản thân	5295
Tải trọng	7500
Trọng lượng toàn bộ	12990
Số chỗ ngồi	3(195kg)
KÍCH THƯỚC (mm)	
Kích thước bao (dài x rộng x cao)	8450x2500x3420
Kích thước lòng thùng	6200x2350x755/2150
Khoảng cách trục	4700
Vết bánh xe trước/sau	1880/1800
Vết xe bánh sau phía ngoài	2105
ĐỘNG CƠ	
Kiểu loại động cơ	YC4E140-48
Nhiên liệu, xi lanh, làm mát	Diesel, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, làm mát bằng nước, tăng áp.
Thể tích làm việc (cm³)	4260
Công suất cực đại/ tốc độ quay (v/p)	103/2600
Tiêu chuẩn khí thải	Euro 4
TRUYỀN ĐỘNG	
Ly hợp	Đĩa ma sát khô, dẫn động thuỷ lực, trợ lực khí nén

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATION	
Hộp số	HW65506TC/Hộp số cơ khí/6 số tiến + 1 số lùi
Vị trí cầu chủ động	Cầu sau
Cầu trước	LG4003003610/5T; 5 tấn
Cầu sau	WG7115330142; 10 tấn, tỉ số truyền 5,833
Lốp	8.25-20
HỆ THỐNG TREO	
Hệ thống treo trước	9 lá
Hệ thống treo sau	Nhíp chính 11 lá, nhíp phụ 8 lá nhíp
HỆ THỐNG LÁI	
Mã hiệu	FG9604472500/2
Loại cơ cấu lái	Trục vít ê cu bi
Trợ lực	Trợ lực thuỷ lực
HỆ THỐNG PHANH	
Hệ thống phanh chính	Tang trống
Loại cơ cấu phanh	Khí nén
THÂN XE	
Cabin	Cabin đơn, kiểu lật
Loại thân xe	Thép cường lực cao
Chassis (mm)	232x75x7
Loại dây đai an toàn cho người lái	Dây đai 3 điểm
KHÁC	
Màu sắc	Tuỳ chọn
Loại ắc quy/Điện áp dung lượng	02x12Vx100Ah
Dung tích thùng dầu (lít)	150 lít
Tiêu hao nhiên liệu	Tuỳ cung đường và tải trọng

8 LÝ DO ĐỂ KHÁCH HÀNG LỰA CHỌN XE HOWO 130

- 1 **Thương hiệu HOWO (CNHTC)** là hãng sản xuất ô tô số 1 nội địa Trung Quốc.
- 2 **100% linh kiện đồng bộ** có mã số mã vạch của nhà cung cấp Howo nên vận hành ổn định, không hay hỏng vặt như các sản phẩm cùng phân khúc.
- 3 Xe được trang bị Cabin đầu vuông, có ghế nghỉ cho lái xe và phụ xe.
- 4 Chassis có tiết diện lớn khả năng vượt tải tốt hơn.
- 5 Xe có chiều dài cơ sở và khoảng sáng lớn hơn đối thủ giúp xe vận hành êm ái, thuận tiện đi những cung đường xấu.
- 6 Động cơ có công suất và Mô-men xoắn lớn hơn giúp xe vượt tải tốt hơn.
- 7 Xe được trang bị hộp số có tỷ số truyền số 1, số 2 lớn hơn nên có khả năng kéo và leo dốc tốt hơn.
- 8 Xe được trang bị cầu trước 5 tấn, cầu sau 10 tấn có khả năng chịu tải lớn hơn nên có khả năng chất tải tốt hơn.

THÙNG HÀNG RỘNG HƠN TẢI TRỌNG LỚN HƠN



STT	Thông tin	Đơn vị	Howo 130
1	Tự trọng	kg	5295
2	Tải trọng	kg	7500
3	Kích thước thùng	mm	6200x2350x755/2150
4	Chiều dài cơ sở	mm	4700
5	Lốp xe		8.25-20/8.25-20